

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024**  
**đến ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 28

5468  
ÔNG  
TNH  
EM T  
VA  
4 PH

10/11/2011  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Mai Văn Minh	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thị Bích Huệ	Thành viên
Bà Trịnh Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Chung	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Mai Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Chung	Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Văn Minh - Tổng Giám đốc Công ty.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Mai Văn Minh**  
**Tổng Giám đốc**  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2024



Số: 276 /VACO/BCSX.NV2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2024, từ trang 04 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (dưới đây gọi chung là "báo cáo tài chính giữa niên độ").

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Nguyễn Phương Lan**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>154.356.265.332</b>	<b>145.572.234.467</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>13.381.880.636</b>	<b>5.478.280.430</b>
1. Tiền	111		2.786.880.636	2.178.280.430
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.595.000.000	3.300.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.000.000.000	12.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.416.443.164</b>	<b>8.159.895.182</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.492.823.750	6.043.619.610
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.551.394.174	1.006.863.215
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	868.642.648	1.569.873.085
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(496.417.408)	(460.460.728)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>108.388.015.181</b>	<b>119.673.388.568</b>
1. Hàng tồn kho	141		108.388.015.181	119.673.388.568
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>169.926.351</b>	<b>260.670.287</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	150.110.664	260.670.287
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	19.815.687	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>63.476.583.540</b>	<b>66.398.455.377</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>42.509.419.253</b>	<b>44.862.685.012</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	42.509.419.253	44.862.685.012
- Nguyên giá	222		112.331.958.483	112.038.870.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.822.539.230)	(67.176.185.406)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		120.000.000	120.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.000.000)	(120.000.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>207.105.938</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	207.105.938
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>20.039.000.000</b>	<b>20.039.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		20.039.000.000	20.039.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>928.164.287</b>	<b>1.289.664.427</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	928.164.287	1.289.664.427
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>217.832.848.872</b>	<b>211.970.689.844</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>48.248.753.774</b>	<b>40.695.441.822</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>48.248.753.774</b>	<b>40.695.441.822</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	10.453.310.255	6.857.996.052
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	17.925.483.225	2.015.909.863
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.072.919.629	1.829.135.518
4. Phải trả người lao động	314		3.341.927.449	4.079.416.816
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	257.009.223	392.842.439
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.403.760.766	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	5.594.215.056	21.376.131.433
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	1.580.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.620.128.171	4.144.009.701
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>169.584.095.098</b>	<b>171.275.248.022</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>169.584.095.098</b>	<b>171.275.248.022</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	94.922.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.922.000.000	94.922.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.907.149.584	12.666.244.168
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.754.945.514	63.687.003.854
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		52.645.015.072	50.930.369.695
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.109.930.442	12.756.634.159
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>217.832.848.872</b>	<b>211.970.689.844</b>

Lê Thị Nhung  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Trịnh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng



Mai Văn Minh  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		162.443.190.536	152.100.870.901
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.069.313.940	2.000.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	160.373.876.596	150.100.870.901
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	136.257.412.373	126.930.924.687
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		24.116.464.223	23.169.946.214
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.132.479.257	1.679.632.593
7. Chi phí tài chính	22	27	4.955.550.445	3.721.034.029
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		149.379.191	704.622.235
8. Chi phí bán hàng	25	28	3.933.026.867	4.160.886.287
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	7.824.271.104	8.045.815.667
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		8.536.095.064	8.921.842.824
11. Thu nhập khác	31	29	1.601.369.554	123.782.006
12. Chi phí khác	32		51.566	10.142
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.601.317.988	123.771.864
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.137.413.052	9.045.614.688
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.027.482.610	1.809.122.937
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		8.109.930.442	7.236.491.751
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	854	762



Lê Thị Nhung  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2024



Trịnh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng



Mai Văn Minh  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	177.581.913.704	163.066.089.189
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(124.274.402.044)	(144.132.168.912)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.603.210.381)	(13.854.431.993)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(185.357.163)	(694.673.405)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.939.158.539)	(1.173.190.990)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	363.069.232	653.698.651
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.067.871.148)	(2.948.610.454)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>33.874.983.661</b>	<b>916.712.086</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(543.669.400)	(1.724.598.854)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	50.000.000	23.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.000.000.000)	(15.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	9.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.557.732.845	1.078.653.093
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(935.936.555)</b>	<b>(6.722.309.397)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	21.058.457.008	75.515.588.474
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.840.373.385)	(73.774.944.924)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.256.060.000)	(9.492.200.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(25.037.976.377)</b>	<b>(7.751.556.450)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>7.901.070.729</b>	<b>(13.557.153.761)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.478.280.430</b>	<b>16.983.358.787</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.529.477	(3.356.976)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>13.381.880.636</b>	<b>3.422.848.050</b>



Lê Thị Nhung  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2024



Trịnh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng





Mai Văn Minh  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13 tháng 01 năm 2004; Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 26 tháng 4 năm 2018. Công ty có trụ sở tại số 734 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 94.922.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 165 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 172 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và buôn bán các loại quạt dân dụng, quạt công nghiệp và lồng quạt.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có thể so sánh được.

#### Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 01 công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan	Hải Phòng	49%	49%	Kinh doanh bất động sản



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả kinh doanh của một hoặc nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng, phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa chữa với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 32
Máy móc, thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

##### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bên liên quan (Tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan trong kỳ là:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan	Công ty liên kết
Bà Nguyễn Thu Hà	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.953.793.745	1.111.117.324
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	833.086.891	1.067.163.106
Các khoản tương đương tiền (i)	10.595.000.000	3.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.381.880.636</b>	<b>5.478.280.430</b>

Ghi chú:

- (i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 2,7%/năm đến 4,0%/năm.

Trong đó, có một hợp đồng tiền gửi với số tiền 5.595.000.000 VND sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng (i)	14.000.000.000	14.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 2,9%/năm đến 4,7%/năm.

**b) Đầu tư vào công ty liên kết**

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu kỳ</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan (i)	20.039.000.000	-	(*)	20.039.000.000	-	(*)

Ghi chú:

- (\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(i) Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan thành lập ngày 18 tháng 12 năm 2018, có trụ sở tại số 20 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, vốn điều lệ 40.895.700.000 VND. Công ty góp 20.039.000.000 VND tương ứng với 49% vốn điều lệ bằng quyền sử dụng đất 572,4 m<sup>2</sup> và tài sản trên đất tại số 20 Đinh Tiên Hoàng. Tỷ lệ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ phân chia rủi ro và lợi nhuận là 50:50.

Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan thành lập để đầu tư xây dựng và kinh doanh Dự án tòa nhà thương mại Phong Lan tại địa chỉ số 20 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Trong kỳ hoạt động 6 tháng năm 2024, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường, kết quả sản xuất kinh doanh có lãi và có lãi lũy kế.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Quang điện - Điện tử	2.785.291.920	1.178.881.560
Công ty TNHH Hà Nội Ching Hai	2.579.248.000	434.967.500
Nhà phân phối Nguyễn Văn Thuật	2.150.869.321	-
Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất	1.721.550.240	986.757.120
Công ty TNHH Tân Thành	-	1.290.355.320
Các đối tượng khác	6.255.864.269	2.152.658.110
<b>Cộng</b>	<b>15.492.823.750</b>	<b>6.043.619.610</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Jampoo Union Co., Ltd	657.450.990	-
Green Den Trading Co., Ltd	1.691.856.459	-
Polyone Shenzhen Co., Ltd	-	907.240.000
Các đối tượng khác	202.086.725	99.623.215
<b>Cộng</b>	<b>2.551.394.174</b>	<b>1.006.863.215</b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>868.642.648</b>	<b>-</b>	<b>1.569.873.085</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	36.034.000	-	86.991.027	-
Phải thu khác	832.608.648	-	1.482.882.058	-
- Công ty TNHH Mitsubishi Electric Việt Nam	477.991.452	-	5.471.110	-
- Lãi dự thu	194.822.273	-	225.755.890	-
- Bảo hiểm xã hội Lê Chân	95.050.800	-	101.498.670	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	1.000.000.000	-
- Phải thu khác	64.744.123	-	150.156.388	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dây - Cáp và Vật liệu điện Kevin	219.062.690	-	219.062.690	-
Công ty TNHH Trương Hoàng Phương	119.855.600	-	119.855.599	35.956.679
Cửa hàng Tuấn Dung	13.185.117	-	13.185.117	-
Công ty Cổ phần Điện cơ 1991	119.012.498	-	119.012.498	-
Doanh nghiệp tư nhân Điện cơ Tây Đô	9.282.625	-	9.282.625	-
Công ty Cổ phần Việt Hàn	6.330.516	-	6.330.516	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quạt điện Việt Nam	4.687.062	-	4.687.062	-
Bán linh kiện	5.001.300	-	5.001.300	-
<b>Cộng</b>	<b>496.417.408</b>	<b>-</b>	<b>496.417.407</b>	<b>35.956.679</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.825.166.322	-	40.369.072.836	-
Công cụ dụng cụ	294.923.193	-	299.171.936	-
Chi phí SXKD dở dang	9.921.695.837	-	9.964.984.425	-
Thành phẩm	29.835.892.109	-	42.084.353.625	-
Hàng hóa	32.510.337.720	-	26.955.805.746	-
<b>Cộng</b>	<b>108.388.015.181</b>	<b>-</b>	<b>119.673.388.568</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>150.110.664</b>	<b>260.670.287</b>
Phí bảo hiểm	74.607.197	107.571.042
Các khoản chi phí khác	75.503.467	153.099.245
<b>b) Dài hạn</b>	<b>928.164.287</b>	<b>1.289.664.427</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	683.211.850	867.449.450
Chi phí sửa chữa	38.018.487	69.409.807
Các khoản chi phí khác	206.933.950	352.805.170
<b>Cộng</b>	<b>1.078.274.951</b>	<b>1.550.334.714</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày đầu kỳ	67.591.826.116	37.410.953.077	6.836.391.170	199.700.055	112.038.870.418
Mua sắm mới	-	270.000.000	-	-	270.000.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	230.275.338	-	-	-	230.275.338
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(207.187.273)	-	(207.187.273)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>67.822.101.454</b>	<b>37.680.953.077</b>	<b>6.629.203.897</b>	<b>199.700.055</b>	<b>112.331.958.483</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày đầu kỳ	34.534.822.335	27.459.492.647	5.023.618.279	158.252.145	67.176.185.406
Khấu hao trong kỳ	1.245.184.965	1.341.787.629	252.792.933	9.106.761	2.848.872.288
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(202.518.464)	-	(202.518.464)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>35.780.007.300</b>	<b>28.801.280.276</b>	<b>5.073.892.748</b>	<b>167.358.906</b>	<b>69.822.539.230</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	33.057.003.781	9.951.460.430	1.812.772.891	41.447.910	44.862.685.012
Tại ngày cuối kỳ	32.042.094.154	8.879.672.801	1.555.311.149	32.341.149	42.509.419.253

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 33.948.650.108 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 32.107.464.555 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày đầu kỳ	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày đầu kỳ	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 120.000.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 120.000.000 VND).

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Mitsubishi Electric Việt Nam	5.506.627.500	5.506.627.500	-	-
Công ty TNHH Tân Thành	1.026.062.594	1.026.062.594	750.732.071	750.732.071
Công ty TNHH Thiết bị điện Hoa Bửu (Việt Nam)	398.325.600	398.325.600	809.352.000	809.352.000
Công ty TNHH Dây và cáp điện Luckysun	43.985.766	43.985.766	1.813.905.500	1.813.905.500
Công ty TNHH Đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	-	-	718.809.054	718.809.054
Phải trả các đối tượng khác	3.478.308.795	3.478.308.795	2.765.197.427	2.765.197.427
<b>Cộng</b>	<u>10.453.310.255</u>	<u>10.453.310.255</u>	<u>6.857.996.052</u>	<u>6.857.996.052</u>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Cửa hàng Hưng Chanh	8.088.860.691	1.072.022.724
Cửa hàng Thiệu Hồng	1.473.555.755	261.475.857
Đối tượng khác	8.363.066.779	682.411.282
<b>Cộng</b>	<u>17.925.483.225</u>	<u>2.015.909.863</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải thu/ nợ trong kỳ	Số thực nộp/ thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>1.829.135.518</b>	<b>6.183.426.785</b>	<b>5.939.642.674</b>	<b>2.072.919.629</b>
Thuế xuất, nhập khẩu	-	127.002.147	127.002.147	-
Thuế giá trị gia tăng	380.806.705	3.246.506.586	3.081.876.272	545.437.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.439.158.539	2.027.482.610	1.939.158.539	1.527.482.610
Thuế thu nhập cá nhân	9.170.274	235.950.067	245.120.341	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	542.485.375	542.485.375	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Phải thu</b>	-	-	<b>19.815.687</b>	<b>19.815.687</b>
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	19.815.687	19.815.687

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi tiền vay	367.839	36.345.811
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	256.641.384	356.496.628
<b>Cộng</b>	<b>257.009.223</b>	<b>392.842.439</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.403.760.766</b>	-
Chiết khấu theo doanh số (i)	2.068.000.000	-
Chiết khấu thanh toán	335.760.766	-

Ghi chú:

- (i) Khoản chiết khấu theo doanh số căn cứ theo kế hoạch sản lượng bán thành phẩm năm 2024 được phê duyệt bởi Tổng Giám đốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>5.594.215.056</b>	<b>5.594.215.056</b>	<b>36.840.373.385</b>	<b>21.058.457.008</b>	<b>21.376.131.433</b>	<b>21.376.131.433</b>
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hải Phòng (i)	5.594.215.056	5.594.215.056	-	5.594.215.056	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	-	-	20.609.153.402	6.082.393.346	14.526.760.056	14.526.760.056
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng	-	-	14.516.349.903	7.666.978.526	6.849.371.377	6.849.371.377
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hải Phòng	-	-	1.714.870.080	1.714.870.080	-	-

**Ghi chú:**

- (i) Vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay số 280624-1160821-01-SME ngày 28 tháng 6 năm 2024 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hải Phòng, theo chi tiết như sau:
- Số tiền cho vay: 5.594.215.056 VND.
  - Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh
  - Thời hạn cho vay 1 tháng giải ngân đến ngày 28 tháng 7 năm 2024.
  - Lãi suất: 1,2%/tháng.
  - Biện pháp đảm bảo: Thỏa thuận tiền gửi kỳ hạn số 280624-01-ĐC-VPB số tiền 5.595.000.000 VND kỳ hạn từ ngày 28 tháng 6 năm 2024 đến ngày 28 tháng 7 năm 2024 theo Hợp đồng cầm cố số 280624-1160821-01-SME/CCTS ký ngày 28 tháng 6 năm 2024.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản dự phòng bảo hành sản phẩm trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu bán thành phẩm đã được phê duyệt bởi Tổng Giám đốc.

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>11.308.385.772</b>	<b>62.367.556.649</b>	<b>168.597.942.421</b>
Lãi trong năm	-	-	12.756.634.159	12.756.634.159
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.389.276.396	(1.389.276.396)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(555.710.558)	(555.710.558)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(9.492.200.000)	(9.492.200.000)
Giảm khác	-	(31.418.000)	-	(31.418.000)
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>12.666.244.168</b>	<b>63.687.003.854</b>	<b>171.275.248.022</b>
Lãi trong kỳ	-	-	8.109.930.442	8.109.930.442
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	1.275.663.416	(1.275.663.416)	-
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(9.256.060.000)	(9.256.060.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(510.265.366)	(510.265.366)
Giảm khác	-	(34.758.000)	-	(34.758.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>13.907.149.584</b>	<b>60.754.945.514</b>	<b>169.584.095.098</b>

Ghi chú:

- (i) Phân phối lợi nhuận của năm 2023 bao gồm việc trích lập các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 13/2024/DHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, theo đó:
- Trích quỹ đầu tư và phát triển (10% lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh) là 1.275.663.416 VND.
  - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh) là 510.265.366 VND.
  - Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền (10% vốn điều lệ) là 9.492.200.000 VND, trong đó hạch toán giảm lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2024 là 9.256.060.000 VND, phần còn lại là thuế thu nhập các nhân từ cổ tức được hưởng hạch toán vào tháng 7 năm 2024.
  - Trong kỳ, Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông là 9.256.060.000 VND và 236.140.000 VND thuế TNCN 5% đã khấu trừ và nộp vào tháng 7 năm 2024.

**Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	9.492.200	9.492.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	9.492.200	9.492.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 94.922.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 94.922.000.000 VND). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu VND	Giá trị VND
Ông Hoàng Thanh Hải	26.141.810.000	27,54%	26.141.810.000	27,54%
Bà Nguyễn Thu Hà	20.065.800.000	21,14%	20.065.800.000	21,14%
Ông Trần Quang Hưng	6.052.760.000	6,38%	6.052.760.000	6,38%
Các cổ đông khác	42.661.630.000	44,94%	42.661.630.000	44,94%
<b>Cộng</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>100%</b>

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ các loại (USD)	757,44	1.507,38

**23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>		
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán hàng	162.443.190.536	152.100.870.901
<b>Cộng</b>	<b>162.443.190.536</b>	<b>152.100.870.901</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2.069.313.940</b>	<b>2.000.000.000</b>
- Chiết khấu thương mại	2.068.000.000	2.000.000.000
- Hàng bán bị trả lại.	1.313.940	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<b>160.373.876.596</b>	<b>150.100.870.901</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	136.257.412.373	126.930.924.687
<b>Cộng</b>	<b>136.257.412.373</b>	<b>126.930.924.687</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.583.843.736	41.059.951.835
Chi phí nhân công	13.005.954.582	14.943.236.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.848.872.288	2.751.612.023
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.717.902.209	1.508.715.637
Chi phí bảo hành sản phẩm	2.072.708.978	2.151.634.757
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	35.956.680	-
Chi phí khác bằng tiền	1.829.017.805	2.207.259.704
<b>Cộng</b>	<b><u>63.094.256.278</u></b>	<b><u>64.622.410.604</u></b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	526.799.228	934.938.025
Chiết khấu thanh toán được hưởng	603.150.552	744.694.568
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.529.477	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.132.479.257</u></b>	<b><u>1.679.632.593</u></b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	149.379.191	704.622.235
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.609.328	5.471.019
Chiết khấu thanh toán	4.793.561.926	3.010.840.775
Chi phí tài chính khác	-	100.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.955.550.445</u></b>	<b><u>3.721.034.029</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí vật liệu, bao bì	669.618.510	746.518.855
Chi phí nhân viên	665.088.286	686.965.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.658.650	183.778.061
Chi phí dịch vụ mua ngoài	325.952.443	391.988.963
Chi phí bảo hành	2.072.708.978	2.151.634.757
<b>Cộng</b>	<b>3.933.026.867</b>	<b>4.160.886.287</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nguyên vật liệu	71.539.890	37.276.632
Chi phí nhân viên	5.630.211.238	5.481.070.485
Chi phí khấu hao tài sản cố định	295.087.927	308.696.466
Thuế, phí và lệ phí	548.405.652	858.795.247
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.243.069.717	1.359.976.837
Chi phí dự phòng	35.956.680	-
<b>Cộng</b>	<b>7.824.271.104</b>	<b>8.045.815.667</b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hàng tặng không thu tiền	1.552.912.745	-
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	45.331.191	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	1.838	67.709.102
Các khoản khác	3.123.780	56.072.904
<b>Cộng</b>	<b>1.601.369.554</b>	<b>123.782.006</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.137.413.052	9.045.614.688
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	10.137.413.052	9.045.614.688
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.027.482.610</b>	<b>1.809.122.937</b>

Trong kỳ, Công ty xác định thu nhập chịu thuế không khác biệt so với lợi nhuận kế toán. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

**31. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế	8.109.930.442	7.236.491.751
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.109.930.442	7.236.491.751
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.492.200	9.492.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	854	762
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước chưa tính đến ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, mặc dù trong kỳ, Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023, tuy nhiên, Công ty không xác định chính xác số trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của 6 tháng đầu năm 2023.

**32. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất đồ điện dân dụng: Quạt điện, lồng quạt...; Ngoài ra kinh doanh thương mại nhập khẩu một số loại quạt điện nhưng trong cùng khu vực. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện chủ yếu tại trụ sở chính đặt tại số 734 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng. Công ty không có đơn vị phụ thuộc nào tại các địa bàn ngoài tỉnh. Theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	5.594.215.056	21.376.131.433
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(13.381.880.636)	(5.478.280.430)
Nợ thuần	(7.787.665.580)	15.897.851.003
Vốn chủ sở hữu	169.584.095.098	171.275.248.022
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,00</b>	<b>0,09</b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

#### 33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

##### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

##### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.381.880.636	5.478.280.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.829.014.990	7.066.040.940
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.000.000.000	12.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	20.039.000.000	20.039.000.000
<b>Cộng</b>	<b>63.249.895.626</b>	<b>44.583.321.370</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	5.594.215.056	21.376.131.433
Phải trả người bán	10.453.310.255	6.857.996.052
Chi phí phải trả	257.009.223	392.842.439
<b>Cộng</b>	<b>16.304.534.534</b>	<b>28.626.969.924</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo như thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

##### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

##### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

##### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phát sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.381.880.636	-	-	13.381.880.636
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.829.014.990	-	-	15.829.014.990
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	20.039.000.000	20.039.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.210.895.626</b>	<b>-</b>	<b>20.039.000.000</b>	<b>63.249.895.626</b>
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>				
Các khoản vay	5.594.215.056	-	-	5.594.215.056
Phải trả người bán và phải trả khác	10.453.310.255	-	-	10.453.310.255
Chi phí phải trả	257.009.223	-	-	257.009.223
<b>Cộng</b>	<b>16.304.534.534</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.304.534.534</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>26.906.361.092</b>	<b>-</b>	<b>20.039.000.000</b>	<b>46.945.361.092</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.478.280.430	-	-	5.478.280.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.066.040.940	-	-	7.066.040.940
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	20.039.000.000	20.039.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.544.321.370</b>	<b>-</b>	<b>20.039.000.000</b>	<b>44.583.321.370</b>
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>				
Các khoản vay	21.376.131.433	-	-	21.376.131.433
Phải trả người bán và phải trả khác	6.857.996.052	-	-	6.857.996.052
Chi phí phải trả	392.842.439	-	-	392.842.439
<b>Cộng</b>	<b>28.626.969.924</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>28.626.969.924</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(4.082.648.554)</b>	<b>-</b>	<b>20.039.000.000</b>	<b>15.956.351.446</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6-C  
 TY  
 AN  
 O  
 HAI

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>654.444.159</b>	<b>772.830.100</b>
Ông Hoàng Thanh Hải	161.937.443	177.771.407
Bà Lê Thị Bích Huệ	34.668.000	106.825.400
Ông Mai Văn Minh	173.669.520	183.094.456
Bà Trịnh Thị Lan Phương	138.925.459	151.559.365
Ông Nguyễn Minh Chung	145.243.737	153.579.472
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>	<b>309.217.102</b>	<b>327.407.848</b>
Ông Vũ Duy Anh	113.538.270	120.584.421
Ông Trần Tuấn Linh	111.108.891	117.805.212
Bà Bùi Thị Huệ	84.569.941	89.018.215

**Thu tiền cổ tức từ Công ty liên kết**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Phong Lan	1.000.000.000	400.000.000

**Cổ tức chi trả cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể:**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Cổ tức trả cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>3.303.773.850</b>	<b>2.081.559.000</b>
Ông Hoàng Thanh Hải	2.548.826.475	1.307.254.000
Bà Lê Thị Bích Huệ	343.809.375	352.625.000
Ông Mai Văn Minh	196.359.150	201.394.000
Bà Trịnh Thị Lan Phương	117.270.075	120.277.000
Ông Nguyễn Minh Chung	97.508.775	100.009.000
<b>Cổ tức trả cho Ban Kiểm soát</b>	<b>108.225.000</b>	<b>70.842.500</b>
Ông Vũ Duy Anh	3.900.000	4.000.000
Bà Bùi Thị Huệ	487.500	500.000
Ông Trần Tuấn Linh	103.837.500	66.342.500
<b>Cổ tức trả cho Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể</b>	<b>1.956.415.500</b>	<b>2.006.580.000</b>
Bà Nguyễn Thu Hà	1.956.415.500	2.006.580.000

Lê Thị Nhung  
Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Trịnh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng

Mai Văn Minh  
Tổng Giám đốc